CTCP Mạ kẽm công nghiệp Vingal - VNSTEEL (UPCOM: VGL

Ngày 31/12/2024	20,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	2.0%	6.3%

2024

ROE 15.4% +/- YoY ▲ 0.8%

Q4/24

DT thuần

tỷ VNĐ

2024

DT thuần 358 *tỷ VNĐ* YoY ▲ 22.0 ▲ 6.6%

Q4/24

LN gộp

tỷ VNĐ

2024

LN gộp 59.4 *tỷ VNĐ* YoY ▲ 6.70 ▲ 12.9%

Q4/24

LN thuần

tỷ VNĐ

2024

LN thuần 23.2 *tỷ VNĐ* YoY ▲ 0.90 ▲ 4.0%

Q4/24

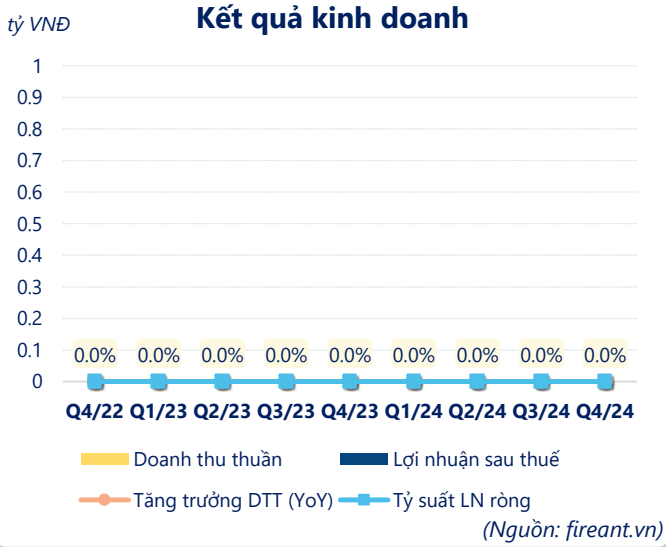
LN sau thuế

tỷ VNĐ

2024

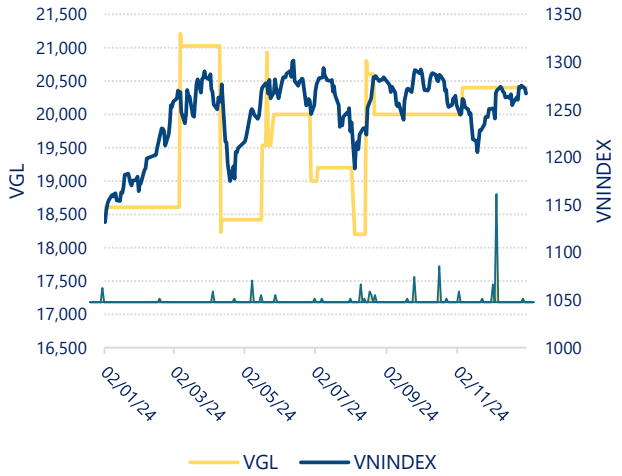
LN sau thuế 18.2 *tỷ VNĐ* YoY ▲ 0.80 ▲ 4.6%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

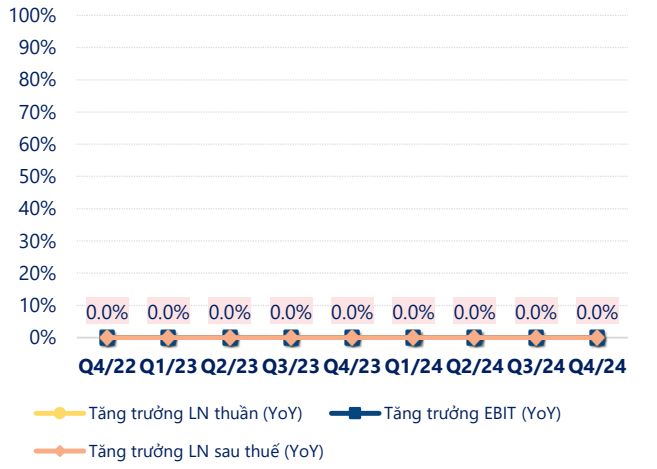
Lịch sử giá



Powered by Infographic
https://fireant.vn/

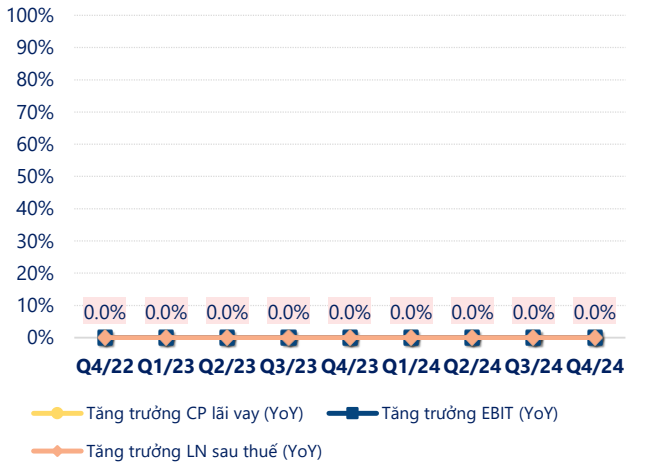
CTCP Mạ kẽm công nghiệp Vingal - VNSTEEL (UPCOM: VGL

Tăng trưởng lợi nhuận



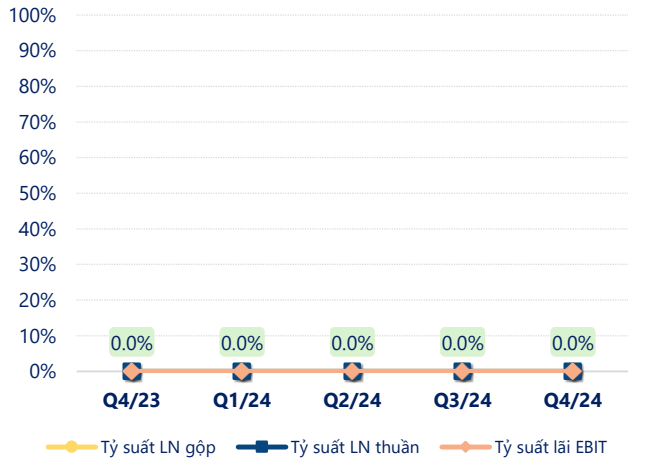
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



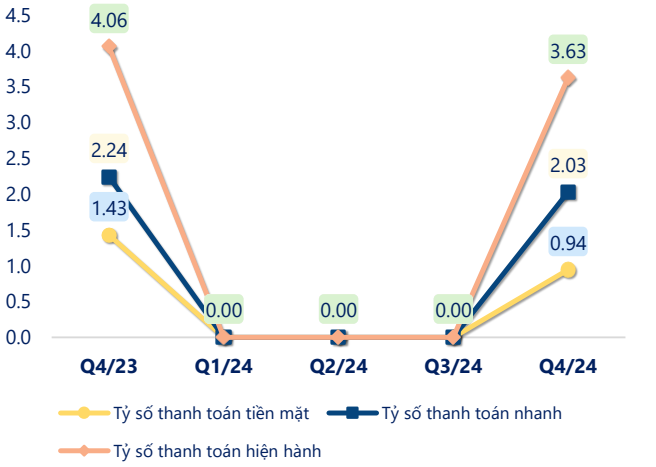
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



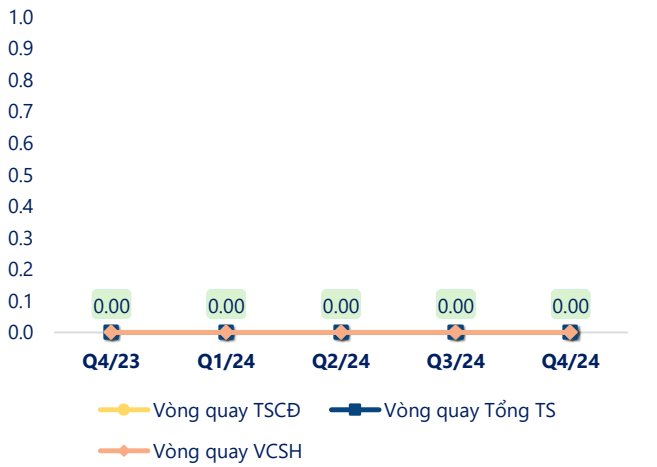
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



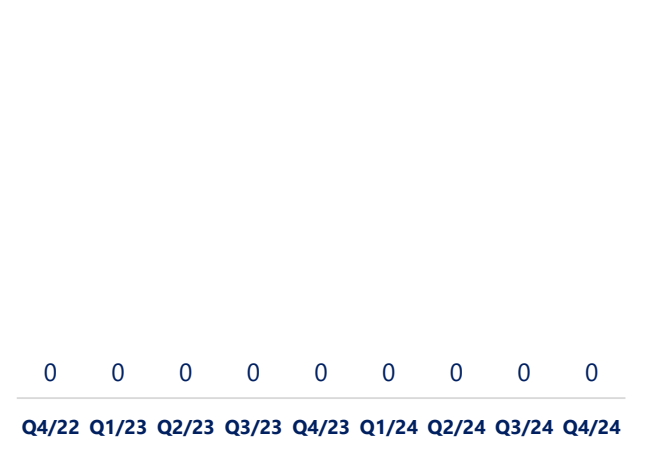
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

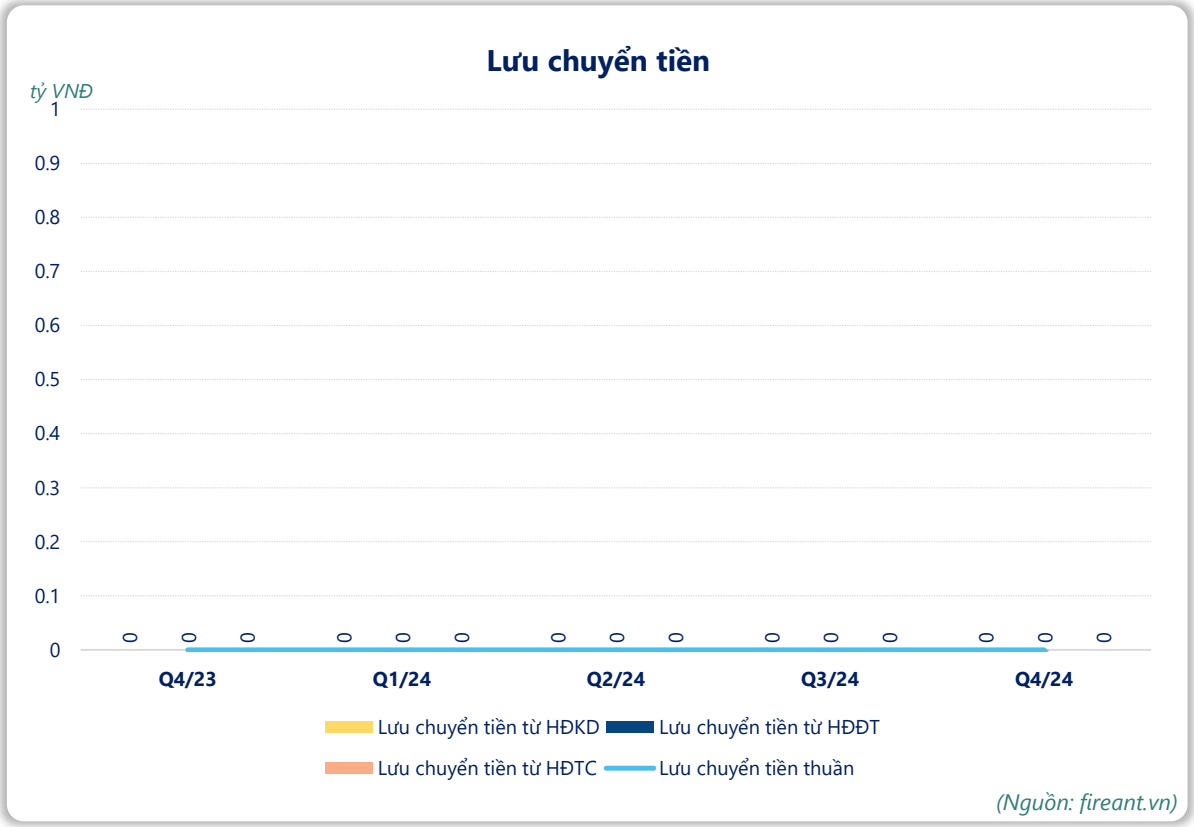


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Mạ kẽm công nghiệp Vingal - VNSTEEL (UPCOM: VG

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần				**358**	**336**	**6.6%**
Giá vốn hàng bán				298	283	5.4%
Lợi nhuận gộp				59.4	52.7	12.9%
Doanh thu HĐTC				0.93	0.64	44.5%
Chi phí TC				0.17	0.09	84.0%
Chi phí lãi vay				0	0	
LN trong công ty LKLD				**0**	**0**	
Chi phí bán hàng				11.6	9.76	19.3%
Chi phí QLDN				**25.4**	**21.2**	**19.8%**
LN thuần từ HĐKD				23.2	22.3	4.0%
Lợi nhuận khác				**-0.23**	**-0.10**	**-131%**
LN trước thuế				22.9	22.2	3.4%
Lợi nhuận sau thuế				**18.2**	**17.4**	**4.6%**
LNST của CĐ cty mẹ				**18.2**	**17.4**	**4.6%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)